

Bản tin chứng khoán

Trong số này

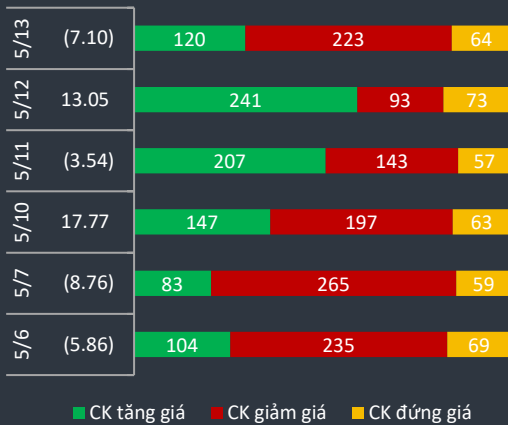
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VPB	89.2
HCM	33.5
VNM	22.3
VHM	15.6
VCS	8.3
PVT	7.9
DXG	7.5
GAS	7.2
DIG	6.7
HDB	6.7
PHR	5.9
STB	(18.8)
MSN	(26.9)
VCB	(45.0)
VIC	(47.0)
MBB	(59.8)
NVL	(74.7)
VJC	(77.5)
HPG	(225.8)
CTG	(387.2)

Thị trường trong ngày hạ nhiệt sau khi có phiên tăng tốc mạnh hơn 13 điểm hôm trước. Chỉ số index còn giằng co trong phiên nhưng số cổ phiếu giảm vẫn áp đảo gấp đôi so với mã tăng. Áp lực giảm điểm gia tăng khi đi về cuối giờ giao dịch và chốt phiên Vnindex mất hơn 7 điểm sau khi hàng loạt Bluechip đảo chiều. Hơn 2/3 cổ phiếu trong nhóm VN30 giảm điểm trong ngày với khá nhiều mã trụ như VIC, TCB, BVH, POW, HPG. Nhóm ngân hàng nổi bật nhất có SHB bên sàn HNX tăng trần cuối phiên. Một số mã ngân hàng khác tăng khá trong ngày như EIB, CTG, LPB. STB tăng khá mạnh đầu phiên nhưng lực bán mạnh đã làm đảo chiều giảm nhẹ về 26.3.

Nhóm cổ phiếu thép hạ nhiệt sau khi có nhiều tin bất lợi như giá nguyên liệu giảm hay chính phủ yêu cầu kiểm soát giá thép. Tuy nhiên có hai cổ phiếu đi ngược dòng tăng trần là SMC, TLH nhờ thông tin doanh nghiệp công bố khả quan. Tập đoàn Thép Tiến Lên công bố kết quả kinh doanh tháng 4/2021 với doanh thu thuần tháng 4 ở mức 779.4 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 115.3 tỷ đồng, tương đương con số cả quý trước đó. Nguyên nhân lợi nhuận tăng cao là do giá sắt thép tăng khởi sắc thu hút lượng mua lớn dẫn đến doanh thu bán hàng tăng cao so với cùng kỳ. Đây có thể xem là bối cảnh chung của nhiều doanh nghiệp thép vì vậy lợi nhuận chung quý 2 của nhiều doanh nghiệp trong ngành sẽ còn tiếp tục gây bất ngờ nhà đầu tư.

CTCP Tập đoàn Lọc Trời (Mã chứng khoán LTG - UPCoM) công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2021, đại hội dự kiến tổ chức ngày 23/5 tại An Giang. Doanh nghiệp trình cổ đông kế hoạch truyền thống với doanh thu 14.155 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 400 tỷ đồng, lần lượt tăng 88,6% và 8,5% so với thực hiện năm 2020. Ngoài ra, trong năm 2021, doanh nghiệp dự kiến trình cổ đông kế hoạch cổ tức tỷ lệ 10% bằng tiền mặt.

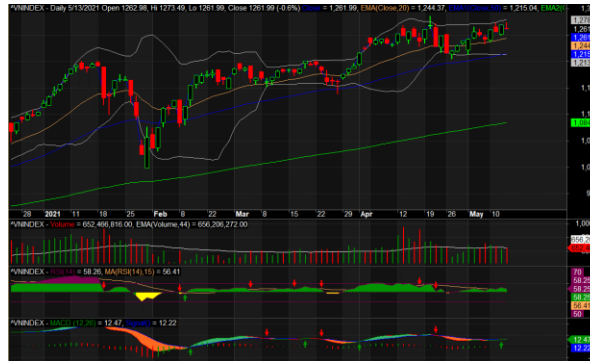
Doanh nghiệp có tờ trình đáng chú ý là phát hành cổ phiếu ưu đãi cho nhân viên (ESOP). Cụ thể, trong giai đoạn 2020 - 2024 dự kiến sẽ phát hành tối đa là 3%/năm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành, giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vnindex 1,261.99

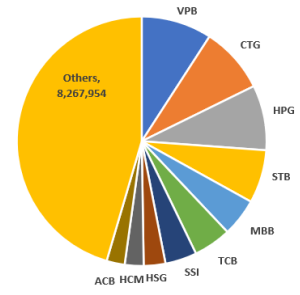
▼ -7.1 (-0.56%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIB	61.3	2,300	3.90
HVN	27.6	1,000	3.76
GVR	25.3	600	2.43
BID	42.1	700	1.69
STB	24.7	350	1.44
SAB	152.2	1,700	1.13
VPB	63.0	700	1.12
POW	12.3	100	0.82
PNJ	94.0	400	0.43
NVL	128.5	-	-
MSN	101.5	(100)	(0.10)
VJC	119.0	(200)	(0.17)
BVH	56.0	(100)	(0.18)
VCB	97.9	(200)	(0.20)
TPB	31.0	(100)	(0.32)
MWG	137.5	(600)	(0.43)
BCM	54.7	(300)	(0.55)
PLX	53.0	(300)	(0.56)
PDR	69.5	(400)	(0.57)
DHG	98.2	(600)	(0.61)
FPT	85.2	(600)	(0.70)
GAS	85.3	(700)	(0.81)
ACB	35.8	(400)	(1.10)
VHM	98.0	(1,100)	(1.11)
VIC	131.0	(1,500)	(1.13)
CTG	44.2	(600)	(1.34)
SSI	34.2	(500)	(1.44)
MBB	32.7	(500)	(1.51)
HPG	62.0	(1,000)	(1.59)
VNM	91.2	(1,800)	(1.94)
TCB	47.0	(1,100)	(2.29)
VRE	31.0	(750)	(2.36)
HDB	30.0	(800)	(2.60)
REE	54.9	(1,800)	(3.17)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Gần như có một kịch bản chung là chỉ số Vnindex tỏ ra suy yếu khi tiến về vùng giá 1270. Biên độ dao động của chỉ số khi đi vào vùng này khá cao và có biên chênh lệch đến hơn 15 điểm. Thanh khoản chung của thị trường vẫn dồi dào vẫn khả quan nhờ sự vận động xen kẽ giữa các nhóm ngành giúp thị trường giao dịch luôn sôi động và có cung cầu liên tục. Việc chỉ số index đi ngang có thể xem là điểm thuận lợi vì nhà đầu tư sẽ có nhiều cơ hội lựa chọn cổ phiếu tốt hơn và cơ hội lướt sóng ngắn hạn cũng dễ dàng hơn. Thị trường có thể có vài phiên điều chỉnh ngắn hạn nhưng không quá lo lắng và có thể xem đây là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu tốt hơn.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	31.8	13.2	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 35	3/3/2021	67.4%
CTG	46.5	8.4	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 50	2/3/2021	33.2%
OCB	24.0		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	14.3%
HPG	61.5	3.5	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	46.4%
MWG	140.0	(1.4)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	9.8%
STB	26.3	7.8	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 27	2/3/2021	46.1%
DIG	28.1	0.9	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	-4.7%
D2D	54.5	3.2	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	4.8%
SZC	36.5	4.3	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	9.0%
PET	22.0	4.5	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	11.7%
KBC	35.9	(4.5)	32	46	Mua quanh 37, mục tiêu 50	5/4/2021	-3.0%
PNJ	96.0	(1.8)	75	90	Chốt lời	2/3/2021	15.8%
MBB	33.0	4.3	20	27	Chốt lời quanh 33-35	2/3/2021	35.8%
FPT	85.0	1.6	55	75	Chốt lời	2/3/2021	21.4%
VPB	65.1	5.3	30	40	Chốt lời	2/3/2021	83.4%
HSG	37.4	7.2	18	28	Chốt lời	2/3/2021	56.5%
DGW	130.0	4.8	90	120	Chốt lời	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

NVL	3.08
SHI	3.24
CTG	3.33
ILB	3.36
SMC	3.67
ROS	3.69
HCM	3.70
PAN	4.84
TEG	6.09
EIB	6.51
TLH	6.58
TSC	6.72
KMR	6.75
FTS	6.76
TGG	6.84
BMI	6.85
PXT	6.90
SGR	6.93

Top tăng giá HNX

KVC	5.26
HKT	6.15
SMN	6.25
MCF	6.67
DBT	6.75
SPI	6.88
NHA	6.97
DID	8.11
KMT	9.09
DPC	9.09
KSQ	9.38
SDG	9.59
SHB	9.70
KTT	9.76
TFC	10.00
MPT	10.00

HBC - CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình – Đã thông qua chủ trương thành lập Công ty TNHH MTV HBIC, đồng thời tăng vốn cho Công ty con mới này từ 750 tỷ đồng lên 900 tỷ đồng.

VGC - Tổng công ty Viglacera – CTCP - Dự kiến trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 11%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận thêm 1.100 đồng. Như vậy, với 448,35 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính doanh nghiệp sẽ trả tổng cộng 493,2 tỷ đồng cho cổ đông. Trong đó, ngày đăng ký cuối cùng là 25/5 và ngày thanh toán là 24/6.

TLH - CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên - Công bố kết quả kinh doanh tháng 4/2021 với lợi nhuận sau thuế hợp nhất 115.3 tỷ đồng, gần xấp xỉ lợi nhuận của cả quý 1 trước đó. Trong khi đó, doanh thu thuần tháng 4 vừa qua ở mức 779.4 tỷ đồng.

CRE - Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ - Sẽ phát hành cổ tức trả cổ tức với tỷ lệ 10%, tương ứng phát hành thêm 9,6 triệu cổ phiếu; phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) là 4,8 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu;

Bên cạnh đó CRE cũng chào bán cho cổ đông hiện hữu 91,2 triệu cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ phát hành là 100:95, tương ứng nhà đầu tư sở hữu 100 cổ phiếu được mua thêm 95 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

MPC - CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú - Trong quý I/2021, Thủy sản Minh Phú ghi nhận doanh thu đạt 2.809,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 26,6 tỷ đồng, lần lượt giảm 1,2% và 51,7% so với cùng kỳ năm trước.

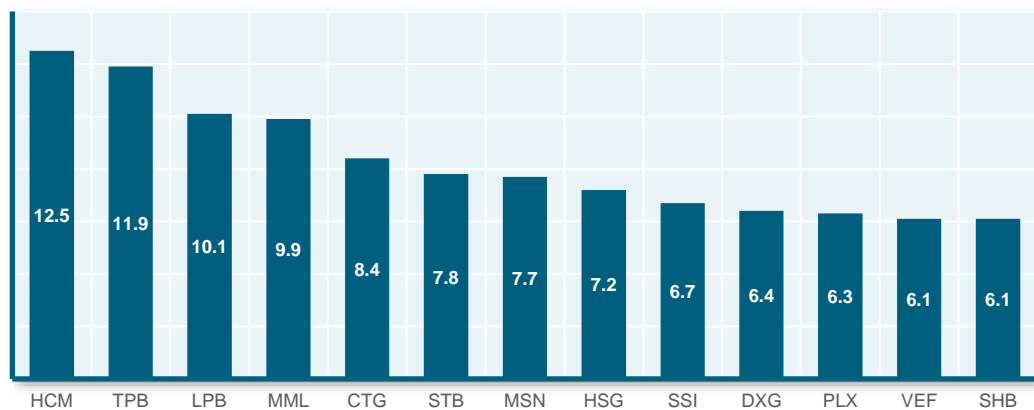
DRC - CTCP Cao su Đà Nẵng - Ngày 12/5, HĐQT đã thông qua phương án chia cổ tức chia cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 08/6/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 28/6/2021.

NLG - CTCP Đầu tư Nam Long - Ngày 18/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2020 ngày đăng ký cuối cùng là 29/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 4,38%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/6/2021.

CLW - CTCP Cấp nước Chợ Lớn - Ngày 02/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 ngày đăng ký cuối cùng là 03/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 19/7/2021.

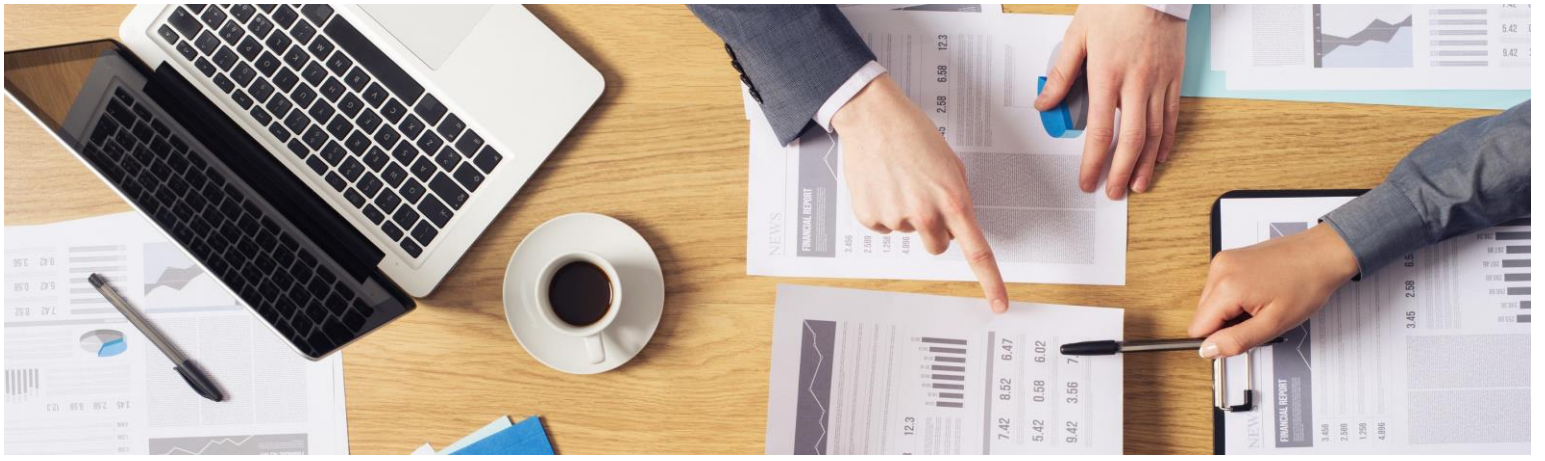


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

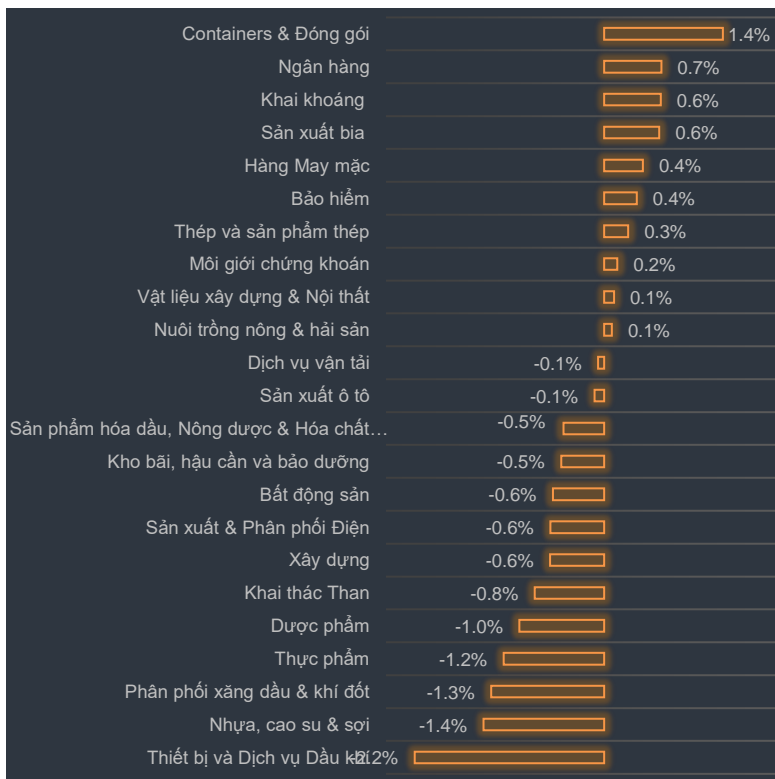
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	18.0	4,826,484	8.1	1.1	-	-	10,284	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	36.2	11,724,300	8.2	2.1	-	-	78,248	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	25.4	50,203	27.1	2.1	-	-	17,996	-	939	12,064
BID	HOSE	42.6	3,483,900	20.3	2.1	8,300	251,200	171,338	16.75	2,103	20,453
CTG	HOSE	46.5	34,020,000	9.8	1.9	557,000	8,991,559	173,138	25.70	4,761	24,665
EIB	HOSE	27.0	1,868,100	37.9	2.0	18,300	5,000	33,195	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	30.3	9,057,200	7.5	1.8	1,270,600	1,052,700	48,291	17.35	4,066	16,572
LPB	UPCOM	22.9	22,137,800	10.2	1.6	280,200	80,000	24,609	4.70	2,239	14,059
MBB	HOSE	33.0	26,896,800	8.4	1.7	783,400	2,585,800	92,219	23.07	3,912	19,196
MSB	HOSE	23.3	10,390,700	9.6	1.5	200	-	26,900	29.94	2,436	15,368
NVB	HNX	16.8	7,851,754	-	1.6	2,100	15,000	6,834	8.73	27	10,532
OCB	HOSE	24.0	3,822,000	7.2	1.4	34,000	43,800	26,302	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	26.0	28,471,876	12.9	1.8	17,800	13,000	45,513	3.96	2,013	14,631
SSB	HOSE	28.3	2,069,300	21.3	2.4	-	-	34,207	-	1,331	11,769
STB	HOSE	26.3	47,105,300	17.6	1.6	731,400	1,439,000	47,436	11.97	1,495	16,485
TCB	HOSE	48.0	18,045,200	11.8	2.1	91,800	91,800	168,235	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	31.5	8,058,500	7.2	1.8	-	-	32,497	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	96.8	1,698,000	17.0	3.6	18,300	481,400	359,019	23.37	5,708	27,234
VIB	HOSE	61.2	1,129,600	11.6	3.5	-	-	67,895	20.48	5,297	17,420
VPB	HOSE	65.1	25,718,500	14.1	2.9	2,904,800	2,297,100	159,804	22.11	4,628	22,811
			268,425,517	14.08	2.03	6,718,200	17,347,359	1,623,962		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VHL	HNX	27/05/2021	28/05/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PEN	HNX	25/05/2021	26/05/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CMK	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	14/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	TDN	HNX	24/05/2021	25/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TIX	HOSE	19/05/2021	20/05/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PTG	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SPA	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	FHN	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	1/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	CLH	HNX	19/05/2021	20/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TDB	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	MTP	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 23 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 222 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 154 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,002 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TVD	HNX	17/05/2021	18/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HTC	HNX	14/05/2021	17/05/2021	3/6/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VGG	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	3/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	CLM	HNX	14/05/2021	17/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CCR	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	BGW	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 424 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TB8	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	FUCTVGF2	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	26/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GIC	HNX	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DRL	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,780 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DRL	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 220 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PPY	HNX	13/05/2021	14/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDT	UPCoM	13/05/2021	14/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: SGR, TEG, TIX

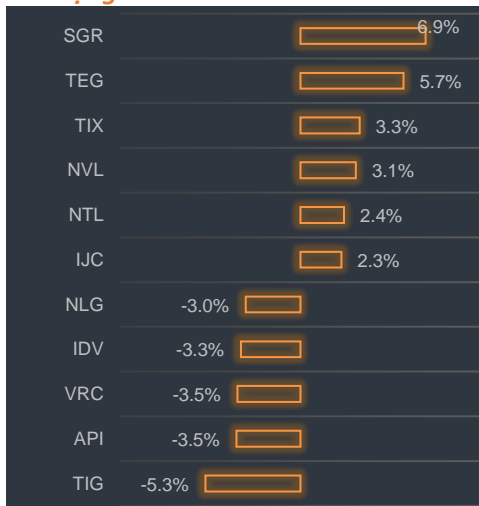
Xây dựng: PXT, TGG, HU1

Dầu khí: PGS, PGC, SFC

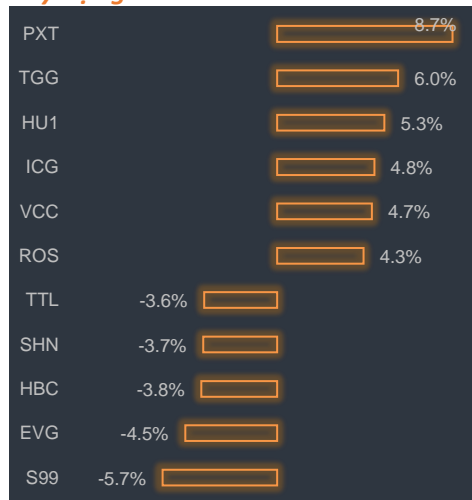
Chứng khoán: FTS, SBS, HCM

Ngân hàng: SHB, EIB, CTG

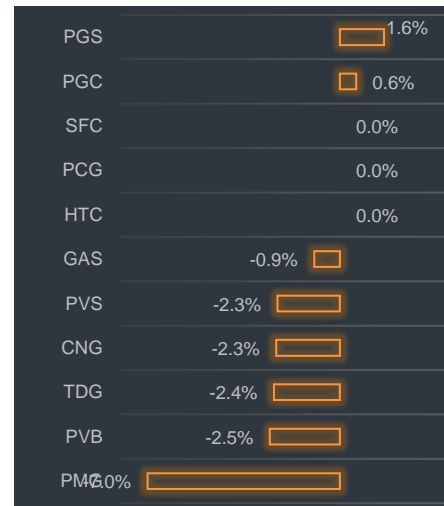
Bất động sản



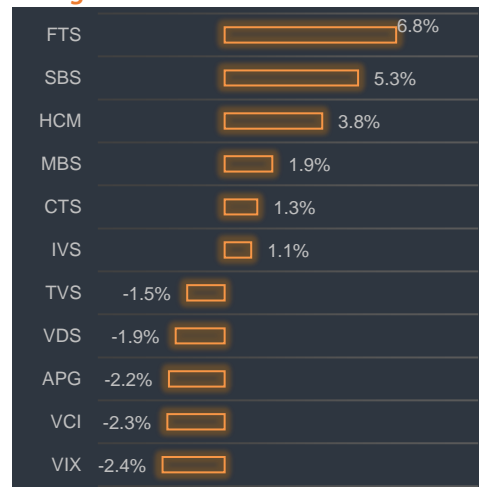
Xây dựng



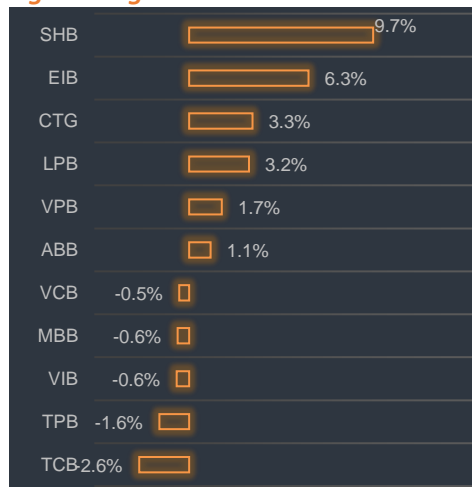
Dầu khí



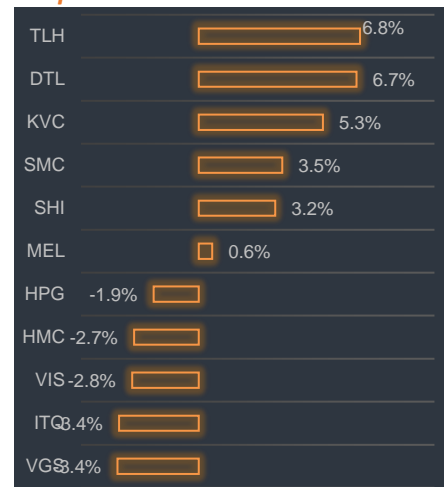
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép



Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng, và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931